

Số: 1208/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 22 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 107, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 948/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Hoàng Thị Như N, sinh năm 1990;

- Ông Trần Quốc D, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Số xx đường A, Phường B, quận C, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Như N và ông Trần Quốc D là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 78 quyển số 01 đăng ký ngày 16/04/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố H.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 23 tháng 07 năm 2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 09 năm 2020 bà N và ông D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung là Trần Hoàng L, sinh ngày

27/12/2014 và Trần Hoàng Phú Q, sinh ngày 29/01/2016 hai bên thỏa thuận giao cho bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng, mỗi trẻ là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng. Thực hiện từ tháng 09 năm 2020.

- Về tài sản chung: Bà N và ông D khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà N và ông D thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Hoàng Thị Như N và ông Trần Quốc D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 78 quyển số 01 đăng ký ngày 16 tháng 04 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố H hết hiệu lực kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 người con chung là Trần Hoàng L, sinh ngày 27/12/2014 và Trần Hoàng Phú Q, sinh ngày 29/01/2016 giao cho bà Hoàng Thị Như N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Quốc D cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng, mỗi trẻ 2.500.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 09 năm 2020.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở,

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có tài sản chung nên không xét.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Hoàng Thị Như N và ông Trần Quốc D mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà N và ông D đã đóng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số: AA/2019/0026696 ngày 03 tháng 08 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

